

**ĐẢNG ỦY KHỐI CQ&DN TỈNH
ĐẢNG ỦY SỞ TÀI CHÍNH**

*

Số 537-CV/ĐU

*V/v quán triệt và triển khai Quy
định số 67-QĐ/TW của Ban Bí thư
và Quy chế làm việc số 01-
QC/BCĐT của Ban Chỉ đạo phòng,
chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tây Ninh, ngày 04 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Chi ủy các Chi bộ trực thuộc.

Thực hiện Công văn số 1047-CV/ĐUK, ngày 29/7/2022 của Đảng ủy Khối Cơ quan & Doanh nghiệp tỉnh về việc quán triệt và triển khai Quy định số 67-QĐ/TW của Ban Bí thư và Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh.

Đảng ủy Sở tổ chức phổ biến, quán triệt triển khai đến Chi ủy các chi bộ trực thuộc các văn bản quy định sau:

1. Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT, ngày 08/7/2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh.

(Văn bản kèm theo)

Kính chuyển Chi ủy các chi bộ trực thuộc tổ chức thực hiện 

Nơi nhận:

- Ban TG-TH ĐUK (b/c);
- UBKT ĐUK (b/c);
- UBKT Đảng ủy Sở;
- Như trên;
- THPT (đăng tin);
- Lưu: ĐU.

**T/M ĐẢNG ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



Lương Minh Trí

ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH
ĐẢNG ỦY KHỐI
CƠ QUAN VÀ DOANH NGHIỆP TỈNH

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Tây Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

*

Số 1047-CV/ĐUK

V/v quán triệt và triển khai Quy định
số 67-QĐ/TW của Ban Bí thư và Quy chế làm việc
số 01-QC/BCĐT của Ban Chỉ đạo phòng, chống
tham nhũng, tiêu cực tỉnh

Kính gửi: - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Khối,
- Cấp uỷ các chi, đảng bộ cơ sở,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối.

Thực hiện Công văn số 545-CV/TU, ngày 22/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc quán triệt và triển khai Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT, ngày 08/7/2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh yêu cầu cấp uỷ các chi, đảng bộ cơ sở thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt triển khai đến chi bộ Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT, ngày 08/7/2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh (gửi kèm) bằng hình thức phù hợp. Thời gian hoàn thành phổ biến, quán triệt, triển khai trước ngày **05/8/2022**; báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối (qua Ban Tuyên giáo - Tổng hợp, Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Khối) kết quả thực hiện chậm nhất ngày **09/8/2022**.

2. Ban Tuyên giáo - Tổng hợp Đảng uỷ Khối định hướng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền Quy định số 67-QĐ/TW và Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT, tạo sự thống nhất trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và người lao động trong Khối, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ hơn nữa trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Khối theo dõi, đôn đốc việc phổ biến, quán triệt Quy định số 67-QĐ/TW và Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT tham mưu Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ **chậm nhất ngày 12/8/2022**.

3. Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Khối chủ trì, phối hợp các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Khối tham mưu Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối báo cáo định kỳ, đột xuất về Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đúng quy định.

4. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khối quan tâm kiểm tra, đôn đốc việc quán triệt và triển khai Quy định 67-QĐ/TW, Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐT tại tổ chức đảng được phân công phụ trách.

Cấp uỷ chi bộ, đảng bộ cơ sở quan tâm thực hiện tốt nội dung Công văn này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu BTG - TH Đảng uỷ Khối.
TCT-102

TAM BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Thúy Oanh

TỈNH ỦY TÂY NINH
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÒNG, CHỐNG
THAM NHƯNG, TIÊU CỰC TỈNH

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
Tây Ninh, ngày 8 tháng 7 năm 2022

Số 01 -QC/BCĐT

QUY CHẾ LÀM VIỆC
của Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy (khóa XI), nhiệm kỳ 2020 - 2025;
 - Căn cứ Quyết định số 1916-QĐ/TU, ngày 17/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh;
- Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh ban hành Quy chế làm việc như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác và cách thức, trình tự giải quyết công việc của Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh Tây Ninh (viết tắt là Ban Chỉ đạo).
2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo (viết tắt là Cơ quan Thường trực) và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Hoạt động của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, thành viên Ban Chỉ đạo và Cơ quan Thường trực thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tôn trọng, không làm cản trở hoạt động bình thường và không làm thay nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm tập thể trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo; đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban Chỉ đạo và Trưởng ban trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Chương II TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chỉ đạo

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Quy định số 67-QĐ/TW).

2. Thảo luận, quyết định các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình làm việc hằng năm và kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

3. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo về chủ trương xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo.

4. Kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xem xét, quyết định hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước khi có căn cứ cho rằng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng, vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, tiêu cực hoặc có hành vi cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Quyết định đưa vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo; Quyết định

việc kết thúc chỉ đạo xử lý đối với những vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã được xử lý theo đúng quy định.

6. Kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xem xét, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo.

7. Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo.

8. Xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo, thành viên Ban Chỉ đạo hoặc của Cơ quan Thường trực.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Ban Chỉ đạo

Thường trực Ban Chỉ đạo gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban; thay mặt Ban Chỉ đạo chỉ đạo thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác và giải quyết các công việc phát sinh giữa hai phiên họp của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 7 Quy định số 67-QĐ/TW.

2. Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, đề án, văn bản quan trọng trước khi trình Ban Chỉ đạo; cụ thể hóa và chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, thông báo, kết luận của Ban Chỉ đạo và của Trưởng ban; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện toàn diện các nhiệm vụ công tác của Ban Chỉ đạo.

3. Chỉ đạo về chủ trương, định hướng xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm liên quan đến cán bộ, đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoặc việc xử lý sẽ có ảnh hưởng lớn về chính trị, đối ngoại, kinh tế - xã hội hoặc những vụ án, vụ việc có khó khăn, vướng mắc mà các đồng chí Phó Trưởng ban được phân công đã cho ý kiến chỉ đạo xử lý nhưng vẫn chưa thống nhất được.

4. Khi cần thiết, chỉ đạo cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem xét lại việc giải quyết hoặc giải quyết lại vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

5. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước khi có căn cứ cho rằng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng, vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, tiêu cực, cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hoặc không đủ năng lực để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nếu phát hiện vi phạm

liên quan đến cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì kịp thời báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ đạo để chỉ đạo xử lý.

7. Đề xuất Ban Chỉ đạo đưa vụ án, vụ việc vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo và kết thúc chỉ đạo xử lý đối với những vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo đã được xử lý theo đúng quy định. Trường hợp cần khẩn trương tập trung chỉ đạo kịp thời, vào thời gian ban Chỉ đạo không họp thì Thường trực Ban Chỉ đạo báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và quyết định việc đưa vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo và báo cáo Ban Chỉ đạo tại phiên họp gần nhất.

8. Xem xét, quyết định việc sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của cơ quan, tổ chức có liên quan để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

9. Khi cần thiết, Thường trực Ban Chỉ đạo làm việc với một số cấp ủy, tổ chức đảng, huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

10. Trong trường hợp cần thiết, quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp.

11. Xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực, cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban quy định tại Điều 9 Quy định số 67-QĐ/TW.

2. Lãnh đạo, điều hành hoạt động chung của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực về hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Chỉ đạo, định hướng chuẩn bị các nội dung quan trọng trình Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; về kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ trọng tâm của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

4. Quyết định triệu tập các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo. Chủ trì, định hướng thảo luận, kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo.

5. Phân công nhiệm vụ cho các Thành viên Ban Chỉ đạo; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động và quyết định những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa các Thành viên Ban Chỉ đạo.

6. Trực tiếp chỉ đạo xử lý các vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng phát hiện, báo cáo; chỉ đạo xử lý hoặc phân công các đồng chí Phó Trưởng ban chỉ đạo xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

7. Thay mặt Ban Chỉ đạo ký các quyết định, quy chế, chương trình, kế hoạch công tác và một số văn bản quan trọng khác của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

8. Quyết định những vấn đề quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Trưởng ban thường trực

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban thường trực quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy định số 67-QĐ/TW và trách nhiệm, quyền hạn của Phó Trưởng Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Giúp Trưởng ban chỉ đạo xử lý các công việc hằng ngày, thường xuyên của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo; chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, thông báo, kết luận của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và của Trưởng ban.

3. Giúp Trưởng ban chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phát hiện, xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo; các vụ án, vụ việc Ban Chỉ đạo ủy quyền cho Ban Nội chính Tỉnh ủy, cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo xử lý.

4. Chủ trì họp lãnh đạo liên ngành các cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan để chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

5. Giữ mối liên hệ thường xuyên với Trưởng ban, các thành viên Ban Chỉ đạo; trực tiếp báo cáo Trưởng ban về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, hoạt động của Ban Chỉ đạo và Cơ quan Thường trực; điều hòa phối hợp hoạt động của các thành viên Ban Chỉ đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

6. Trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành và quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực; chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo và Trưởng ban về hoạt động của Cơ quan Thường trực.

7. Chủ trì họp, ký một số văn bản của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Trưởng ban

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban quy định tại Khoản 1, Điều 10 Quy định số 67-QĐ/TW và trách nhiệm, quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo, cùng tập thể Thường trực Ban Chỉ đạo thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

3. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phát hiện, xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm theo sự phân công của Trưởng ban.

4. Thay mặt Trưởng ban chủ trì phiên họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng ban ủy quyền; ký một số văn bản theo phân công của Trưởng ban.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 8 Quy định số 67-QĐ/TW.

2. Chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, Trưởng ban về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các địa bàn, lĩnh vực, chuyên đề được phân công quản lý, phụ trách và những nhiệm vụ được phân công.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cùng tập thể Ban Chỉ đạo thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo; trường hợp vắng mặt phải báo cáo Trưởng ban.

4. Chủ động đề xuất, tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; phối hợp, tham gia chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

5. Tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo và Trưởng ban về chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, pháp luật và các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; bổ sung vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, nhất là trong lĩnh vực, địa bàn, chuyên đề được phân công trực tiếp quản lý, phụ trách; về nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo.

6. Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo; làm Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát khi được phân công; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo, Trưởng ban về kết quả kiểm tra, giám sát của Đoàn công tác.

7. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của cá nhân để triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công; chủ động làm việc với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phát hiện, báo cáo, đề xuất kịp thời với Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và Trưởng ban biện pháp giải quyết những vấn đề phức tạp, mới phát sinh liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở lĩnh vực, địa bàn, chuyên đề được phân công theo dõi, quản lý, phụ trách.

8. Được sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của cơ quan, tổ chức do mình trực tiếp quản lý, phụ trách để thực hiện nhiệm vụ; phân công 01 đơn vị thuộc cơ quan do mình quản lý, phụ trách làm đầu mối tham mưu, giúp việc, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo phân công.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban phân công.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Cơ quan Thường trực

Ban Nội chính Tỉnh ủy là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực quy định tại Điều 11 Quy định số 67-QĐ/TW.

2. Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác, thông báo, kết luận của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và của Trưởng ban.

3. Tham mưu, chuẩn bị nội dung, tài liệu và phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo và cuộc họp do các đồng chí Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì quy định tại Khoản 5, Điều 10; Khoản 2, Khoản 3, Điều 12 Quy chế này; giúp Ban Chỉ đạo sơ kết, tổng kết, chuẩn bị các báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và các đồng chí Phó Trưởng ban được phân công chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phát hiện, xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

5. Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy bảo đảm các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

6. Khi cần thiết, hỗ trợ Thành viên Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

7. Tham mưu Thường trực Ban Chỉ đạo quyết định việc sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của cơ quan, tổ chức có liên quan để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo. Khi cần thiết, được mời một số cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo giao.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo và Trưởng ban giao.

9. Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ; quản lý con dấu của Ban Chỉ đạo và được sử dụng con dấu của Ban Chỉ đạo khi ban hành các văn bản với tư cách là Cơ quan Thường trực.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo chương trình, kế hoạch hằng năm, họp thường kỳ 3 tháng một lần, họp bất thường khi cần. Thường trực Ban Chỉ đạo họp thường kỳ hằng tháng một lần, họp bất thường khi cần. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Trưởng ban quyết định triệu tập các phiên họp, cuộc họp bất thường của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Khi cần thiết, Ban Chỉ đạo tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy để chỉ đạo, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo và sự phân công của Trưởng ban; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

4. Khi cần thiết, đồng chí Trưởng ban, đồng chí Phó Trưởng ban là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Phó Trưởng ban thường trực, đồng chí Phó Trưởng ban được phân công chỉ đạo xử lý vụ án, vụ việc trực tiếp yêu cầu cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc đó báo cáo để chỉ đạo, đôn đốc việc xử lý, báo cáo Trưởng

ban và Thường trực Ban Chỉ đạo tại cuộc họp gần nhất. Trước khi yêu cầu cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc báo cáo, đồng chí Phó Trưởng ban trao đổi với thành viên Ban Chỉ đạo là lãnh đạo cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc đó.

5. Đối với các vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do các cơ quan chức năng phát hiện, báo cáo, giao đồng chí Phó Trưởng ban là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì, cùng đồng chí Phó Trưởng ban thường trực phối hợp với các đồng chí Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban Chỉ đạo liên quan tham mưu Trưởng ban chỉ đạo xử lý.

6. Trong thời gian Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo không họp, nếu có vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo cần phải giải quyết khẩn trương, kịp thời, Cơ quan Thường trực gửi văn bản xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo và tổng hợp, báo cáo Trưởng ban xem xét, quyết định; đồng thời thông báo kết quả tới các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 11. Phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Phiên họp của Ban Chỉ đạo được tổ chức để thảo luận việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định số 67-QĐ/TW và Điều 3 Quy chế này.

2. Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo được tổ chức để thảo luận việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại Điều 7 Quy định số 67-QĐ/TW và Điều 4 Quy chế này.

3. Phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tham dự. Khi xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc những nội dung kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xem xét, quyết định mà Trưởng ban thấy cần phải biểu quyết, thì kết quả biểu quyết phải được trên 50% tổng số thành viên (Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo) đồng ý mới được thực hiện. Trường hợp những nội dung kiến nghị với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực mà kết quả biểu quyết không đạt trên 50% tổng số thành viên đồng ý thì Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Tỷ lệ trên 50% tổng số thành viên đồng ý cũng áp dụng đối với trường hợp gửi xin ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo quy định tại Khoản 6, Điều 10 Quy chế này.

4. Thời gian, chương trình, nội dung cụ thể các phiên họp, cuộc họp do Trưởng ban quyết định. Căn cứ tình hình cụ thể, Trưởng ban quyết định việc mời lãnh đạo cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

5. Trình tự phiên họp, cuộc họp:

a) Trưởng ban hoặc đồng chí Phó Trưởng ban được ủy quyền chủ trì quán triệt nội dung, yêu cầu cuộc họp.

b) Cơ quan Thường trực trình bày tóm tắt nội dung các tài liệu họp và những nội dung cần xin ý kiến Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

c) Đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo những Đề án, nội dung được giao chủ trì (nếu có).

d) Thành viên Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo thảo luận.

đ) Chủ trì phiên họp, cuộc họp kết luận và chỉ đạo tổ chức việc thực hiện.

6. Kết luận phiên họp, cuộc họp được thể hiện bằng văn bản và thông báo đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan để thực hiện.

7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan:

a) Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy dự kiến nội dung, thời gian, chương trình, thành phần tham dự phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo trình Trưởng ban quyết định; gửi giấy mời, tài liệu phiên họp, cuộc họp tới thành viên Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo chậm nhất trước 03 ngày làm việc; hoàn thiện kết luận và các tài liệu sau phiên họp, cuộc họp, trình ký phát hành.

b) Thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan, tổ chức được giao chủ trì những đề án, nội dung, báo cáo, tài liệu liên quan đến phiên họp, cuộc họp có trách nhiệm chuẩn bị và gửi cho Cơ quan Thường trực theo đúng thời hạn yêu cầu; phối hợp với Cơ quan Thường trực quản lý tài liệu mật gửi các đại biểu dự họp, thu hồi sau khi kết thúc họp.

Điều 12. Về cách thức, trình tự và thời hạn cho chủ trương, định hướng xử lý đối với vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo có khó khăn, vướng mắc hoặc còn quan điểm khác nhau, theo đề nghị của cơ quan chức năng

1. Đối với vụ án, vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo có khó khăn, vướng mắc hoặc còn quan điểm khác nhau giữa các cơ quan chức năng, giao đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo là lãnh đạo cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc đó khăn trương chủ trì (trường hợp đặc biệt không thể chủ trì thì ủy quyền cho đồng

chỉ lãnh đạo khác chủ trì), phối hợp với lãnh đạo các cơ quan tiến hành tổ tụng cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức họp lãnh đạo liên ngành để thống nhất hướng xử lý.

2. Trường hợp các cơ quan chức năng vẫn không thống nhất, giao đồng chí Phó Trưởng ban thường trực chủ trì, cùng đồng chí Phó Trưởng ban được phân công chỉ đạo xử lý vụ án, vụ việc và đồng chí Ủy viên Ban Chỉ đạo là lãnh đạo cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc đó phối hợp với lãnh đạo các cơ quan tiến hành tổ tụng cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức họp lãnh đạo liên ngành để thống nhất hướng xử lý. Trong thời hạn chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị và tài liệu có liên quan của cơ quan chức năng, phải tổ chức họp liên ngành để thống nhất hướng xử lý; trường hợp đặc biệt thời hạn không quá 10 ngày.

3. Trường hợp các cơ quan chức năng vẫn còn quan điểm khác nhau, giao đồng chí Phó Trưởng ban là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì, cùng đồng chí Phó Trưởng ban thường trực, đồng chí Phó Trưởng ban được phân công chỉ đạo xử lý vụ án, vụ việc và đồng chí Ủy viên Ban Chỉ đạo là lãnh đạo cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc đó tổ chức họp lãnh đạo liên ngành các cơ quan tổ tụng cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ban Nội chính Tỉnh ủy bàn hướng xử lý. Trong thời hạn chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị và tài liệu có liên quan của cơ quan chức năng, phải tổ chức họp liên ngành để bàn hướng xử lý; trường hợp đặc biệt thời hạn không quá 15 ngày.

4. Trường hợp vẫn chưa thống nhất được hướng xử lý, giao đồng chí Phó Trưởng ban thường trực tổng hợp, báo cáo tập thể Thường trực Ban Chỉ đạo để chỉ đạo về chủ trương, định hướng xử lý. Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị và tài liệu có liên quan của cơ quan chức năng, tập thể Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức họp để chỉ đạo về chủ trương, định hướng xử lý; trường hợp đặc biệt thời hạn không quá 20 ngày.

5. Trường hợp tập thể Thường trực Ban Chỉ đạo vẫn chưa giải quyết được thì báo cáo tập thể Ban Chỉ đạo xem xét, chỉ đạo.

6. Nếu tập thể Ban Chỉ đạo vẫn chưa giải quyết được thì báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực xem xét, quyết định.

7. Khi cần thiết theo yêu cầu nhiệm vụ hoặc tùy tính chất vụ án, vụ việc, có thể bỏ qua các bước nêu tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và khi bước trước đã giải quyết được thì không cần tổ chức bước sau.

Điều 13. Quan hệ công tác

1. Quan hệ công tác giữa Ban Chỉ đạo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các mối quan hệ khác thực hiện theo Quy định số 67-QĐ/TW của Ban Bí thư.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nếu phát hiện vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì kịp thời báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ đạo để chỉ đạo xử lý.

3. Quan hệ công tác trong nội bộ Ban Chỉ đạo

a) Thành viên Ban Chỉ đạo thường xuyên giữ mối liên hệ với Trưởng ban, chịu sự chỉ đạo, điều hành, phân công nhiệm vụ của Trưởng ban; sự điều phối hoạt động của Phó Trưởng ban thường trực.

b) Các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động phối hợp với nhau trong thực hiện nhiệm vụ được phân công; nhất là trong giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến lĩnh vực, địa bàn, chuyên đề, công việc thành viên khác đang quản lý, phụ trách; đối với các vấn đề còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Trưởng ban xem xét, quyết định.

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng quý và khi có yêu cầu, Ban Chỉ đạo báo cáo tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương, kết quả hoạt động và định hướng công tác trong thời gian tiếp theo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

2. Định kỳ 6 tháng, hằng năm và khi cần thiết, Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban Chỉ đạo báo cáo bằng văn bản với Trưởng ban (qua Cơ quan Thường trực) về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

3. Định kỳ hằng tháng và khi có yêu cầu, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng Tây Ninh, Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án, Chi Cục kiểm lâm, Cục Quản lý thị trường, Cục thuế, Cục Hải quan và các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo (qua Cơ quan Thường trực) bằng văn bản về việc tổ chức thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, Trưởng ban và các nội dung có liên quan; kịp thời báo cáo với Trưởng ban, Phó Trưởng ban được phân công chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực về tiến độ, khó khăn,

vướng mắc và về kết quả thực hiện các kết luận, ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban, Phó Trưởng ban đối với vụ án, vụ việc.

4. Định kỳ Quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm và khi có yêu cầu, đảng đoàn, ban cán sự đảng, huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gửi Ban Chỉ đạo (qua Ban Nội chính Tỉnh ủy - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo) và đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo được phân công theo dõi, quản lý, phụ trách.

5. Cơ quan Thường trực giúp Ban Chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện chế độ báo cáo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Ban Nội chính Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực kịp thời đề xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- BCĐTW về PCTNTC (để b/c),
- Ban Nội chính TW (để b/c),
- Vụ Địa phương III - BNCTW (để b/c),
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
- Văn phòng UBND tỉnh,
- Phòng Tổng hợp VPTU
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Nguyễn Thành Tâm

QUY ĐỊNH

về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

Ban Bí thư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về chức năng, phạm vi chỉ đạo, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.
2. Quy định này áp dụng đối với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (viết tắt là Cơ quan Thường trực) và cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chức năng của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương thành lập, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (viết tắt là

Ban Chỉ đạo Trung ương) trong việc chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ở địa phương).

Điều 3. Phạm vi chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

1. Chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; phòng, chống tiêu cực, trọng tâm là suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; công chức, viên chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ở địa phương.

2. Trực tiếp chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ; đồng thời chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

2. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, Trưởng ban kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tôn trọng, không làm cản trở hoạt động bình thường và không làm thay nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 5. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

1. Tham mưu, đề xuất ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ xây dựng, ban khuyến nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch để cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoặc tham mưu, đề xuất ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và kết luận, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

3. Chỉ đạo, đôn đốc, điều hoà phối hợp, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, chỉ thị, chương trình,

kế hoạch của tỉnh uỷ, thành uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ thông qua hoạt động theo phạm vi trách nhiệm được giao làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tham nhũng, tiêu cực; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để xảy ra tham nhũng, tiêu cực; những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật để yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có thẩm quyền thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục sai phạm; đồng thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan.

5. Chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

6. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ viên, đảng viên có thẩm quyền trong xử lý khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực và xử lý thông tin về vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực do các cá nhân, tổ chức phát hiện, cung cấp, kiến nghị.

7. Chỉ đạo tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của tỉnh uỷ, thành uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; định hướng cung cấp thông tin về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo xử lý vi phạm quy định về quản lý, cung cấp thông tin, đưa tin về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và những hành vi lợi dụng việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực để xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây mất đoàn kết nội bộ.

8. Tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ và đột xuất báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban Chỉ đạo Trung ương về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương và kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương giao.

Điều 6. Quyền hạn của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh .

1. Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền của địa phương báo cáo công tác lãnh đạo,

chỉ đạo và tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; về xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý thông tin về hành vi tham nhũng, tiêu cực; việc thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền lãnh đạo, quản lý.

2. Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo xem xét lại việc kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý khi có căn cứ cho rằng việc kết luận, xử lý chưa khách quan, chính xác, nghiêm minh.

3. Yêu cầu các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án của địa phương kết luận, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Trực tiếp chỉ đạo về chủ trương xử lý đối với một số vụ án, vụ việc cụ thể hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem xét lại việc giải quyết hoặc giải quyết lại nhằm bảo đảm việc xử lý nghiêm minh, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong trường hợp cần thiết quyết định thành lập các tổ công tác liên ngành để chỉ đạo thực hiện, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

4. Kiến nghị với ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ xem xét, quyết định hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước khi có căn cứ cho rằng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật của Đảng, vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, tiêu cực hoặc hành vi cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan chức năng của địa phương trong quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nếu phát hiện vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, cấp uỷ các cấp quản lý thì kịp thời báo cáo cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp uỷ quản lý cán bộ đó để chỉ đạo xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời chuyển hồ sơ, tài liệu liên quan đến uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ, uỷ ban kiểm tra thuộc cấp quản lý cán bộ đó để kiểm tra, xử lý theo quy định của Đảng. Trường hợp phát hiện vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định, đồng thời báo cáo thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ và Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. Trong quá trình kiểm tra, thanh tra, thi hành án, nếu phát hiện sai phạm có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền, không chờ chỉ kết thúc mới chuyển.

6. Trực tiếp làm việc với cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi

nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; khi cần thiết, được sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của các cơ quan, tổ chức có liên quan của địa phương để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

1. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và giải quyết các công việc phát sinh giữa hai phiên họp của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

2. Giải quyết hoặc kiến nghị Ban Chỉ đạo cấp tỉnh giải quyết các đề xuất, kiến nghị của thành viên Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

3. Quyết định việc sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của các cơ quan, tổ chức có liên quan của địa phương để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh khi cần thiết.

4. Chỉ đạo về chủ trương, định hướng xử lý đối với một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khi cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem xét lại hoặc giải quyết lại nhằm bảo đảm việc xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan chức năng của địa phương trong việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

5. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ở địa phương kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước khi có căn cứ cho rằng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng, vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng, tiêu cực, cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hoặc không đủ năng lực để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được giao.

6. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để tham mưu, đề xuất ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, kiến nghị của thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương và kết luận, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Uỷ viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

1. Tham gia và cùng chịu trách nhiệm lãnh đạo tập thể của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. Trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Trưởng ban về nhiệm vụ được phân công.

2. Chủ động đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Trưởng ban các chủ trương, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng,

tiêu cực; bổ sung vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo dõi, chỉ đạo, nhất là trong lĩnh vực, địa bàn, chuyên đề được phân công theo dõi, quản lý, phụ trách.

3. Cùng với tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo nơi công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của tỉnh uỷ, thành uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong địa bàn, lĩnh vực, chuyên đề được phân công theo dõi, quản lý, phụ trách.

5. Được sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của cơ quan, tổ chức do mình trực tiếp quản lý, phụ trách để thực hiện nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo cấp tỉnh phân công.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng ban

1. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; phân công nhiệm vụ cho các thành viên, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương về hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

2. Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

3. Chủ trì, định hướng thảo luận, kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo, phiên họp của Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

4. Khi cần thiết, trực tiếp làm việc với cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phát hiện, xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

5. Trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp không hợp được Ban Chỉ đạo cấp tỉnh hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, trực tiếp quyết định và chỉ đạo thực hiện một số công việc cần thiết để đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và báo cáo Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tại phiên họp gần nhất.

6. Chỉ đạo xử lý các vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ quản lý do các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan chức năng phát hiện, báo cáo theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xử lý cán bộ vi phạm.

~~7. Quyết định những vấn đề khác liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương và hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.~~

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng ban

1. Phó Trưởng ban:

Ngoài nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo quy định tại Điều 8 Quy định này, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh còn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Giúp Trưởng ban điều phối hoạt động của các thành viên theo phân công của Trưởng ban.

b) Thay mặt Trưởng ban thực hiện một số công việc, chủ trì một số phiên họp của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh khi được Trưởng ban ủy quyền.

c) Giúp Trưởng ban chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phát hiện, xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương theo phân công của Trưởng ban.

2. Phó Trưởng ban thường trực:

Ngoài nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Phó Trưởng ban thường trực còn có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Giúp Trưởng ban trực tiếp chỉ đạo, điều phối hoạt động, phân công công việc cho các thành viên; chỉ đạo, phối hợp, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo phân công của Trưởng ban.

b) Giúp Trưởng ban chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và triệu tập các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; xử lý công việc hằng ngày, thường xuyên của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; chủ trì một số cuộc họp và ký một số văn bản của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh theo phân công của Trưởng ban.

c) Trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Cơ quan Thường trực; quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực.

d) Giúp Trưởng ban chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phát hiện, xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

đ) Làm việc với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; yêu cầu báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để nắm nội dung, tiến độ, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương, để kịp thời báo cáo Trưởng ban.

e) Chỉ đạo Cơ quan Thường trực xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về kết quả hoạt động, tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương với ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy,

Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Thường trực

1. Giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; trong việc phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về chủ trương, định hướng xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn xử lý một số vụ án, vụ việc được Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh giao.

4. Trong trường hợp cần thiết, đề xuất với Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về những giải pháp cụ thể (trong đó có giải pháp thành lập tổ công tác liên ngành) để chỉ đạo thực hiện, phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương.

5. Chủ trì hoặc phối hợp nghiên cứu, đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, khắc phục những sơ hở, bất cập về cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

6. Khi cần thiết, hỗ trợ thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo phân công.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Trưởng ban giao.

8. Cơ quan Thường trực được đề nghị và tiếp nhận cán bộ biệt phái từ các cơ quan: Công an, viện kiểm sát, toà án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ. Việc biệt phái và tiếp nhận biệt phái do ban thường vụ uỷ, thành uỷ phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện.

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cơ quan Thường trực được làm việc với cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan; cầu báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ; được sử dụng con dấu của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh khi ban hành các văn bản với tư cách là Cơ quan Thường trực.

Điều 12. Tổ chức bộ máy Ban Chỉ đạo cấp tỉnh gồm:

1. Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh: Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ.

2. Các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh:

- a) Phó bí thư thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ.
- b) Trưởng ban nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ.
- c) Trưởng ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ.
- d) Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ.
- đ) Giám đốc công an tỉnh, thành phố.

Trưởng ban nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ là Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

3. Các Uỷ viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh:

- a) Trưởng ban tuyên giáo tỉnh uỷ, thành uỷ.
- b) Chánh văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ.
- c) Chánh án toà án nhân dân tỉnh, thành phố.
- d) Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố.
- đ) Chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.
- e) Giám đốc sở tư pháp tỉnh, thành phố.
- g) Chánh thanh tra tỉnh, thành phố.
- h) Chủ tịch uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố.
- i) Phó trưởng ban nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ.

4. Ngoài thành phần, cơ cấu nêu trên, trường hợp thật cần thiết phải điều chỉnh về cơ cấu thành viên của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thì ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ báo cáo, xin ý kiến của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương trước khi quyết định.

5. Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh gồm Trưởng ban và các Phó Trưởng ban.

6. Ban nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Chương III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 13. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh làm việc theo chương trình hằng năm, họp thường kỳ 3 tháng một lần, họp đột xuất khi cần. Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh họp thường kỳ hằng tháng, họp đột xuất khi cần.

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Trưởng ban quyết định triệu tập các phiên họp đột xuất của Ban Chỉ đạo, cuộc họp đột xuất của Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

2. Kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo, cuộc họp của Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh được thông báo bằng văn bản đến các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương và cá nhân có liên quan để thực hiện.

3. Khi cần thiết, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức hội nghị của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc hội nghị chuyên đề về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ.

4. Định kỳ hằng tháng và khi cần thiết, các thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo bằng văn bản với Trưởng ban về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

5. Trong thời gian Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh không họp, nếu có vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh cần phải giải quyết khẩn trương, kịp thời, Cơ quan Thường trực có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và tổng hợp, báo cáo Trưởng ban xem xét, quyết định; đồng thời thông báo kết quả tới các thành viên Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Điều 14. Quan hệ công tác

1. Với Ban Chỉ đạo Trung ương: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo Trung ương trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định.

2. Với Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương (Ban Nội chính Trung ương): Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu sự hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc của Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thực hiện kết luận, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

3. Với ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ theo quy định.

4. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, thành uỷ: Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ,

các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ chấp hành sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; định kỳ, đột xuất báo cáo với Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định.

5. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan ở Trung ương trong chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với các cơ quan, tổ chức của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trong chỉ đạo triển khai thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

Trường hợp ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh khác với ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương trong việc phát hiện, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực thì các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương; Ban Chỉ đạo cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đầy đủ việc phát hiện, xử lý vụ án, vụ việc với Ban Chỉ đạo Trung ương.

6. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trao đổi thông tin cần thiết với các cơ quan, tổ chức; mời đại diện các cơ quan, tổ chức của địa phương tham dự các hội nghị có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng quý và khi có yêu cầu, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh báo cáo tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm xảy ra ở địa phương, kết quả hoạt động và định hướng công tác trong thời gian tiếp theo với ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban Chỉ đạo Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

2. Định kỳ hằng tháng và khi có yêu cầu, uỷ ban kiểm tra, ban tổ chức, ban tuyên giáo tỉnh uỷ, thành uỷ; ban cán sự đảng toà án nhân dân, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân, đảng uỷ công an, đảng uỷ bộ đội biên phòng, đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố, Đảng uỷ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Đảng uỷ Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; thanh tra tỉnh, sở tư pháp, cục thi hành án dân sự, chi cục kiểm lâm, chi cục kiểm ngư, cục quản lý thị trường, cục thuế, cục hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (qua Cơ quan Thường trực) bằng văn bản về việc tổ chức thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và các nội dung có liên quan; kịp thời báo cáo với Trưởng ban, Phó Trưởng ban được phân công chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực về tiến độ, khó khăn, vướng mắc và về kết quả thực hiện các kết luận, ý kiến chỉ đạo của Trưởng ban, Phó Trưởng ban đối với vụ án, vụ việc.

3. Định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm và khi có yêu cầu, các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Điều 16. Con dấu, tài khoản và kinh phí hoạt động

1. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh có con dấu riêng theo quy định và sử dụng tài khoản của văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ để phục vụ hoạt động.

2. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ bảo đảm theo quy định.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Quyết định thành lập và Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh

Căn cứ Quy định này và Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; Ban Chỉ đạo cấp tỉnh xây dựng, ban hành Quy chế làm việc.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy định này.

3. Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Ơi nhận:

- c tỉnh uỷ, thành uỷ,
- c ban đảng, ban cán sự đảng,
- ng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- c đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- c đồng chí Uỷ viên
- 1 Chấp hành Trung ương Đảng,
- 1 Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Vô Văn Thương